

## PHỤ NỮ HÀ NỘI: TRUYỀN THỐNG VÀ CÁCH TÂN TRONG NHỮNG NĂM NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

TS Đặng Thị Vân Chi \*

Mùa thu năm 1010, Lý Thái Tổ dời kinh đô từ Hoa Lư ra thành Đại La và đặt tên cho kinh đô mới là Thăng Long. Từ đó Thăng Long trở thành trung tâm kinh tế, chính trị và văn hoá của cả nước. Lịch sử phát triển của Thăng Long - Hà Nội cho thấy những nét đặc trưng của kinh đô - đô thị Việt Nam nói riêng và phương Đông nói chung.

Đến đầu thế kỷ XX, dưới tác động của chương trình khai thác thuộc địa của Pháp, Hà Nội từ một thành thị phong kiến trung đại ngày càng mang dáng dấp một đô thị hiện đại, trung tâm kinh tế, chính trị và văn hoá, là “Thủ đô của Bắc Kỳ” và đặc biệt, với việc đặt Phủ Toàn quyền ở Hà Nội, Hà Nội đã thực sự trở thành “Thủ đô của Liên bang Đông Dương”.

Vì vậy, người Hà Nội, phụ nữ Hà Nội không chỉ mang đầy đủ những đặc tính cơ bản của người Việt Nam nói chung và của phụ nữ Việt Nam nói riêng mà còn thể hiện rõ những dấu ấn lịch sử, văn hoá do vị thế trung tâm văn hóa, chính trị của Thăng Long - Hà Nội mang lại, đồng thời chịu ảnh hưởng trực tiếp mọi biến động của thời cuộc. Bài viết này của chúng tôi muốn đi vào tìm hiểu quá trình đi từ truyền thống đến cách tân của phụ nữ Hà Nội trong những năm nửa đầu thế kỷ XX.

### 1. Hình ảnh người phụ nữ Thăng Long - Hà Nội truyền thống

#### 1.1. Những ảnh hưởng của Nho giáo trong bối cảnh Thăng Long - Hà Nội là Kinh đô của các triều đại phong kiến

Nho giáo là một học thuyết chính trị xuất hiện ở Trung Quốc từ thời Xuân Thu (722 – 481 tr.CN) và được du nhập vào Việt Nam dưới thời Bắc thuộc, từ thế kỷ I đến thế kỷ X. Những quy định về đạo đức theo quan điểm Nho giáo đối với phụ nữ cũng được truyền bá vào Việt Nam cùng với vị thế ngày càng được củng cố và đề cao của nhà nước phong kiến đối với Nho giáo. Các triều đại phong kiến, đặc biệt từ triều Lê thế kỷ XV, trong khi xây dựng một thể chế quân chủ Nho giáo đã cụ thể hoá những quy định của Nho giáo thành những điều luật<sup>1</sup> nhằm củng cố gia đình, tông tộc, xóm thôn theo giáo lý

---

\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

đạo Nho với lễ, nghĩa, hiếu, trung, “tam tông”, “tứ đức”... Những quy định về chuẩn mực đạo đức của người phụ nữ theo tinh thần Nho giáo còn được các trí thức phong kiến thể hiện trong *Gia huấn ca*<sup>2</sup>, trong hương ước các làng xã<sup>3</sup>. Những bản hương ước này không chỉ quy định chặt chẽ những vấn đề liên quan tới cuộc sống của cộng đồng làng xã mà còn quy định về cách ứng xử của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Hương ước cũng quy định phụ nữ không được tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng làng xã, không được vào giáp, vào họ... Trong những sinh hoạt tại đình làng, phụ nữ chỉ là những người đứng bên ngoài...

Như vậy, theo những quy định của Nho giáo thì một người phụ nữ mẫu mực phải là người chịu sống phụ thuộc vào một người đàn ông là cha, chồng và con trai trong suốt cuộc đời họ. Họ không có tư cách riêng của mình, cũng như không bao giờ được khuyến khích thể hiện năng lực cá nhân, không được tham gia vào các sinh hoạt chính trị có liên quan tới cuộc sống của họ.

Tuy nhiên, trong khi Việt Nam được các nhà nghiên cứu xếp vào khu vực các nước chịu ảnh hưởng Nho giáo, thì xu thế chung hiện nay ngày càng có nhiều nhà nghiên cứu đánh giá cao vị trí của người phụ nữ trong gia đình và xã hội nhờ những đóng góp to lớn của họ trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc<sup>4</sup>. Ảnh hưởng của Nho giáo đối với phụ nữ chủ yếu ở các tầng lớp trên, trong giới quan lại và nho sỹ. Thăng Long - Hà Nội với vị trí là kinh đô của nhiều triều đại phong kiến, là trung tâm văn hoá, nơi đào tạo và tổ chức các kỳ thi Nho giáo trong nhiều thế kỷ, trở thành nơi tập trung đông đảo giới quan liêu và nho sỹ nhất trong cả nước. Do đó, phụ nữ trong các gia đình quan lại, nho sỹ, một bộ phận dân cư quan trọng của Thăng Long - Hà Nội cũng chính là những người chịu nhiều ảnh hưởng của Nho giáo trong xã hội Việt Nam truyền thống.

## ***1.2. Ảnh hưởng của những điều kiện tự nhiên và xã hội cũng như vai trò trung tâm kinh tế của Thăng Long - Hà Nội***

Do những điều kiện tự nhiên và xã hội đặc biệt mà người phụ nữ Việt Nam trở thành những người có vai trò chính trong hoạt động sản xuất và lưu thông hàng hoá. Có thể nói phụ nữ Việt Nam là những người làm nên bộ mặt của kinh tế hàng hoá Việt Nam. Điều này không chỉ phản ánh trong ca dao, tục ngữ cổ Việt Nam<sup>5</sup> mà còn được các giáo sỹ, nhà buôn người nước ngoài đến Việt Nam trong các thế kỷ XVII, XVIII ghi nhận<sup>6</sup>. Nghiên cứu của Nguyễn Quang Ngọc *Về một số làng buôn ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ 18 - 19*<sup>7</sup> và của Nguyễn Thừa Hỷ *Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XVII - XVIII - XIX*<sup>8</sup> đã cho thấy vai trò của phụ nữ trong sản xuất hàng hoá và các hoạt động buôn bán ở các làng quê cũng như vai trò của họ trong việc tạo nên diện mạo khu vực thị của Thăng Long - Hà Nội.

Theo Nguyễn Quang Ngọc, phụ nữ là những người có vai trò chính trong mạng lưới các chợ làng ở nông thôn. Họ sản xuất hàng hoá và trực tiếp bán sản phẩm của mình tại các chợ làng, hoặc mang sản phẩm đến những vùng xa xôi hơn. Nhiều người thợ thủ công kiêm tiểu thương sau khi có được số vốn lớn đã mở cửa hàng ở các đô thị. Khi đã làm ăn phát đạt ở Thăng Long, họ đưa gia đình và người làng lên lập nghiệp ở đây, đôi khi họ ở thành cả một phố<sup>9</sup>. Nguyễn Thừa Hỷ cho biết, hầu hết thương nhân và thợ thủ công ở Thăng Long là những người dân ở các làng ven Thăng Long<sup>10</sup>.

Những người thợ thủ công này vừa làm nghề vừa trực tiếp bán sản phẩm. Những cửa hàng ở Thăng Long thường cũng là những cửa hàng bán những sản phẩm do chính họ sản xuất. Andre' Masson trong cuốn *Hà Nội giai đoạn 1873 - 1888* đã mô tả quang cảnh Hà Nội trong những ngày phiên chợ: "Cứ sáu ngày lại có một phiên chợ Hà Nội. Lái buôn và thợ thủ công đủ các loại từ các làng mạc xung quanh kéo tới. Những người bán tơ lụa tới phố Hàng Đào, những người làm cuộc xẻng tới phố Hàng Đồng, những người làm mũ tới phố Hàng Mú, tóm lại thì thợ gì tới phố dành cho thợ ấy. Thành phố biến thành cái chợ mênh mông..."<sup>11</sup>. William Dampier trong *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688* cũng cho biết sự giỏi giang khéo léo của phụ nữ trong buôn bán đã được các thương nhân ngoại quốc lợi dụng để kiếm lời: "Nhiều thương nhân ngoại quốc đã kiếm được bộn tiền bằng cách giao cho những bà vợ Đàng Ngoài tiền và hàng hóa... Họ mua tơ sống vào mùa nhàn rỗi trong năm và thuê đám thợ nghèo làm trong lúc nông nhàn. Theo cách này mà họ có được những thứ vải dệt tốt hơn trong khi chi phí lại thấp hơn nhiều so với thời điểm tàu cập bến... Bằng cách làm như vậy, họ có được hàng hoá sẵn sàng trước khi tàu tới và trước khi mùa đặt hàng bắt đầu..."<sup>12</sup>. William Dampier cũng đánh giá cao khả năng buôn bán của người phụ nữ Thăng Long - Hà Nội trong nghề đổi tiền: "Đổi tiền là một nghề quan trọng ở đây. Làm nghề này là phụ nữ - những người khéo léo và khôn ngoan đặc biệt về nghề này. Họ thực hiện công việc về đêm và biết cách sinh lời giỏi chẳng kém các nhà buôn cổ phần tinh khôn nhất ở Luân Đôn"<sup>13</sup>, những cô bán hàng trong các "cửa hàng tơ lụa ở phố Hàng Đào lộng lẫy rực rỡ như chốn hang động của Alibaba".

Như vậy, người phụ nữ Thăng Long - Hà Nội cũng là những người lao động cần cù, năng động, giỏi kinh doanh và thực sự là người nắm giữ tài sản, tiền bạc trong gia đình. Đây sẽ là cơ sở tạo nên sự tự chủ của phụ nữ Hà Nội trong các phong trào dân chủ và yêu nước trong thời kỳ vận động cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

### 1.3. Những tác động do vị thế trung tâm văn hoá của Thăng Long - Hà Nội

Trong nhiều thế kỷ, Thăng Long đã là một trung tâm văn hóa, nơi tổ chức những kỳ thi Hội, thi Đình. Ở Thăng Long còn có trường Quốc Tử Giám (sau là trường Thái học) do Nhà nước tổ chức, theo chế độ lưu trú, và nhiều các trường, lớp tư nhân của các vị đại khoa. Tư liệu lịch sử cho biết mỗi đợt thi có từ hàng ngàn đến hàng chục ngàn sỹ tử từ mọi địa phương trong nước tập trung về Thăng Long. Những thí sinh này sau khi đỗ sẽ gia nhập đẳng cấp quan liêu, nhiều người qua hôn nhân đã trở thành thành viên của các gia đình buôn bán giàu có tại Kinh đô. Chính điều này đã tạo nên nền tảng trí thức cho phụ nữ Thăng Long - Hà Nội.

Thăng Long - Hà Nội cũng được coi là kinh đô của văn học - nghệ thuật, nơi hội tụ và giao lưu của giới nghệ sỹ, tài tử giai nhân, những gương mặt văn hoá lớn như: Nguyễn Trãi, Đoàn Thị Điểm, Phạm Đình Hổ, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du...

Với tư cách là một trung tâm chính trị, kinh tế, Thăng Long - Hà Nội còn là nơi giao lưu, hội tụ, kết tinh, lan toả các đặc trưng văn hoá, nơi thu hút các nhân vật, gương mặt văn hoá của các địa phương trong cả nước. Vì vậy, ở phụ nữ Thăng Long còn có sự tập trung, pha trộn nhiều tính cách đặc trưng của các vùng - miền: Sự hào hoa thanh lịch vốn có của Kinh kỳ, phẩm chất cần cù chịu đựng gian khổ của miền Trung, cũng như nét phóng khoáng nghĩa hiệp của miền Nam... Ngoài ra, với vị thế là Kinh đô, trung tâm chính trị - kinh tế, người Thăng Long - Hà Nội còn sớm có quan hệ giao lưu

với người nước ngoài, tiếp nhận và tiếp biến các giá trị văn hoá của các nền văn minh khác trên thế giới<sup>14</sup>.

Sự có mặt của những người nước ngoài đến cư trú, sinh sống ở Thăng Long - Hà Nội và những quan hệ, tiếp xúc của họ với người dân đô thị bản địa đã có những ảnh hưởng nhất định đến sinh hoạt, lối sống, tâm lý của một bộ phận cư dân. Người Thăng Long trở nên năng động, cởi mở trong các quan hệ xã hội. Ở giữa khu vực trung tâm, nơi giao lưu hội tụ các đặc trưng văn hoá vùng miền trong nước cũng như quốc tế, phụ nữ Thăng Long - Hà Nội trở thành sứ giả bắc cầu nối giao lưu, tiếp nhận và tiếp biến các giá trị văn hoá mới trong mọi mặt đời sống như trang phục, tập quán sinh hoạt, lễ hội, ẩm thực... làm phong phú thêm nền văn hoá và tính cách của con người Thăng Long - Hà Nội...

## 2. Hình ảnh người phụ nữ Hà Nội mới trong bối cảnh tiếp xúc văn hoá Đông - Tây nửa đầu thế kỷ XX

Cuối thế kỷ XIX, Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp. Từ năm 1897, Pháp bắt đầu thực hiện chương trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam. Cũng trong thời kỳ này Hà Nội dần dần chuyển mình, từ cơ sở hạ tầng<sup>15</sup> cho đến các hoạt động kinh tế<sup>16</sup>, văn hóa<sup>17</sup>... từ kết cấu dân cư cho tới những biến chuyển về mặt tư tưởng... để trở thành một đô thị hiện đại. Về mặt cư dân, bên cạnh tầng lớp quan lại phong kiến, Hà Nội còn có các công chức làm việc cho chính quyền thuộc địa, các chủ doanh nghiệp, nhà thầu khoán, chủ hiệu buôn, học sinh, sinh viên, công nhân và thợ thủ công... Sự chuyển biến của bộ mặt thành thị cùng với các sách *Tân thư* đã làm thay đổi nhân quan chính trị của tầng lớp trí thức đô thị. Qua *Tân thư*, những tư tưởng dân chủ tư sản của Rousseau, Voltaire, Montesquieu, Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu... đã làm dấy lên phong trào đòi duy tân, cải cách đầu thế kỷ XX. Cùng với những tư tưởng dân chủ tư sản, tư tưởng về nữ quyền cũng được truyền bá vào Việt Nam và làm đảo lộn nhận thức về vai trò và địa vị của người phụ nữ trong xã hội, ý thức về giá trị cá nhân, về quyền con người: quyền học tập, quyền mưu cầu hạnh phúc và khẳng định năng lực bản thân và quan trọng hơn là quyền được tự định đoạt vận mệnh của mình. Tất cả những tư tưởng mới mẻ này hoàn toàn mâu thuẫn với những chuẩn mực đạo đức được giai cấp phong kiến duy trì và bảo vệ, nhưng với truyền thống đậm đàng tháo vát và khả năng nhạy bén được cọ xát trong một môi trường văn hoá đa dạng, phụ nữ Hà Nội đã có sự chuyển biến không chỉ trong nhận thức mà trong cả hành động thực tế.

### 2.1. *Nắm lấy cơ hội giáo dục, tham gia lĩnh vực truyền thông nhằm thay đổi nhận thức về vai trò và địa vị của phụ nữ trong gia đình và xã hội, bày tỏ nguyện vọng của giới mình*

Nho giáo quan niệm “phụ nhân nan hóa” (phụ nữ khó dạy) và hệ thống quyền lực theo mô hình quân chủ Nho giáo quan liêu chỉ chấp nhận đàn ông nên mặc dù trong lịch sử Việt Nam đã từng có Nguyên phi Ý Lan giỏi giang thay vua trị nước, có Nguyễn Thị Lộ, Ngô Chi Lan thông minh, hay chữ được tuyển vào cung vua để dạy cho các hoàng tử và công chúa, có Nguyễn Thị Duệ giả nam đi thi và đậu tiến sỹ dưới triều Mạc, có Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan Nguyễn Thị Hinh... đã để lại cho đời sau nhiều tác phẩm văn học, những áng thơ văn bất hủ... thì hầu hết phụ nữ Việt Nam vẫn không được đến trường học tập. Họ không được đi thi và vì vậy cũng không được tham dự vào bộ máy quyền lực ở bất kỳ cấp nào.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, do ảnh hưởng của những tư tưởng dân chủ, giới trí thức tiến bộ của Việt Nam đã đề nghị chính quyền thuộc địa mở trường học cho phụ nữ vì “nữ giới sẽ là những bổ trợ tuyệt vời trong việc giáo dục trẻ thơ”, “dạy học sẽ nâng cao tinh thần và trình độ đạo đức cho nữ giới, tăng sự đánh giá và tôn trọng cần thiết đối với họ”<sup>18</sup>. Một loạt các trường tiểu học được mở tại các làng xã và nhiều trường bắt đầu nhận nữ sinh. Tại Hà Nội, trong bối cảnh của phong trào Duy tân do các sỹ phu phong kiến tư sản hoá phát động, nhằm “khai dân trí, chấn dân khí”, các trường nghĩa thực<sup>19</sup> được thành lập vào năm 1907, tiêu biểu nhất là trường Đông Kinh nghĩa thực. *Đăng cổ tùng báo* đã cho biết, trường không hạn chế việc thu nhận nữ sinh, và có nhiều phụ nữ Hà Nội tham dự các buổi học, các buổi bình văn, thậm chí tham gia giảng dạy tại trường<sup>20</sup>. Năm 1908, Trường Brieu (Trường Hàng Cót) là trường nữ học đầu tiên ở Bắc Kỳ, cũng là trường nữ học đầu tiên trên toàn Đông Dương dạy theo chương trình Pháp - Việt khai giảng ngày 6/1. Theo số liệu thống kê của Nha học chính Bắc Kỳ, số học sinh ban đầu của trường này là 178 người<sup>21</sup>, năm 1922 - 1923, số nữ sinh của Trường Trung học Hà Nội là 129 người, chưa kể số học sinh nữ học tại các trường tư và trong các trường học chung cả nam lẫn nữ. Năm 1931 - 1932, số học sinh nữ ở Bắc Kỳ là 8.218 người, đến năm 1941 - 1942, tổng số nữ sinh ở Bắc Kỳ là 24.658 người... Trong các trường dạy nghề, trường cao đẳng và đại học, số nữ sinh cũng ngày càng tăng. Tiêu biểu trong số nữ sinh Hà Nội phải nhắc đến Hoàng Thị Nga, người phụ nữ đầu tiên của Việt Nam giành học vị Tiến sỹ Khoa học (Docteurs es sciences) của Pháp.

Nhiều nữ sinh theo học ngành sư phạm, hộ sinh. Cho đến năm 1941 - 1942, tổng số nữ giáo viên toàn Đông Dương là 883 người, trong số đó có 147 nữ giáo viên ở Bắc Kỳ<sup>22</sup>. Mặc dù nữ sinh chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ so với dân số, thậm chí ngay cả so với số người được đi học (năm 1920, chiếm khoảng 7%; năm 1941 - 1942 khoảng 10%<sup>23</sup> tổng số học sinh) nhưng cũng đã có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển của xã hội.

Với tư cách là “người thầy đầu tiên” của trẻ em, việc nữ giới được học tập, có tri thức góp phần quan trọng vào việc giáo dục thế hệ trẻ, tạo cơ sở cho những thay đổi căn bản về văn hóa, xã hội trong tương lai. Quan trọng hơn, đội ngũ nữ trí thức này qua báo chí đã có đóng góp quan trọng trong việc truyền bá những tư tưởng mới, nhằm thay đổi nhận thức không chỉ của nữ giới mà của cả xã hội về vai trò và địa vị của phụ nữ trong xã hội. Họ tham gia làm báo trước hết là để tạo cơ hội cho phụ nữ bày tỏ nguyện vọng của mình<sup>24</sup>. Các tờ báo phụ nữ đều ghi rõ tôn chỉ là: “Viết cho phụ nữ đọc và do phụ nữ viết” (báo *Việt nữ*), “Là cơ quan hành động và hành động theo một chủ nghĩa tân tiến có lợi ích trực tiếp cho chị em chúng ta” (báo *Phụ nữ*)... Họ cũng đã nhanh chóng nhận thấy báo chí là một lợi khí để đấu tranh. Họ viết báo<sup>25</sup>, thảo luận về các vấn đề phụ nữ<sup>26</sup> trên các tờ báo phụ nữ và các trang phụ nữ trên các tờ nhật báo khác. Có thể nói, việc nhận thức đúng đắn về vai trò và địa vị của phụ nữ trong gia đình và xã hội là một cuộc cách mạng về tư tưởng, là nền tảng cơ bản để phụ nữ ý thức về quyền của mình trong xã hội. Đây chính là một sự cách tân - một bước tiến lớn của phụ nữ Hà Nội nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung - từ chỗ chưa bao giờ có tiếng nói trong đời sống cộng đồng, nay qua báo chí, họ đã có thể bày tỏ khát vọng của mình cũng như khẳng định quyền được giáo dục, được làm việc, được sống hạnh phúc và tự quyết định vận mệnh của mình với tư cách một con người bình đẳng với nam giới và đấu tranh để thực hiện những quyền đó.

## 2.2. Đấu tranh giải phóng phụ nữ: Khẳng định quyền tự do cá nhân, quyền được thể hiện năng lực bản thân

Quan niệm đạo đức Nho giáo đòi hỏi phụ nữ sống phụ thuộc vào nam giới theo đạo “tam tòng” và trau dồi “tứ đức”: công, dung, ngôn, hạnh. Mức độ vừa phải “phụ đức không cần phải có tài năng gì khác người”, “phụ ngôn thì không cần mồm mép lanh lợi”, “phụ dung thì không cần nhan sắc xinh đẹp”, “phụ công thì không cần khéo léo hơn người”<sup>27</sup> rõ ràng nhất quán với chủ trương giữ người phụ nữ trong gia đình làm người nội trợ của Nho giáo, bất chấp vai trò quan trọng của họ trong nền sản xuất xã hội và kinh tế gia đình. Đến đầu thế kỷ XX, chương trình giáo dục lấy tiếng Pháp là ngôn ngữ sử dụng chính trong nhà trường và số nữ sinh biết tiếng Pháp ngày càng tăng là cơ sở để phụ nữ Hà Nội tiếp cận với văn hoá và văn minh phương Tây. Bên cạnh đó cũng phải kể đến vai trò của báo chí, nhất là những tờ báo như *Nam phong*, *Đông Dương tạp chí*... luôn giới thiệu các học thuyết chính trị, các hệ tư tưởng dân chủ tư sản, kể cả chủ nghĩa nữ quyền, phong trào phụ nữ trên thế giới. Đặc biệt từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tư tưởng nữ quyền qua sách báo đã được du nhập vào Việt Nam và nhanh chóng được phụ nữ Việt Nam tiếp nhận.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa nữ quyền phương Tây thời kỳ này như: đấu tranh đòi quyền được giáo dục, quyền được làm việc và quyền chính trị, xét trên thực tiễn Việt Nam đã gây ra nhiều cuộc tranh luận. Quyền được học tập là vấn đề giành được sự ủng hộ của hầu hết mọi người, nhưng quyền được làm việc và có nghề nghiệp đã vấp phải một sự thật là phụ nữ Việt Nam từ xưa đến nay đều tham gia vào mọi lĩnh vực sản xuất và lưu thông hàng hóa, do đó vấn đề mới đặt ra đối với phụ nữ trong bối cảnh của nền kinh tế thuộc địa là đấu tranh để khẳng định giá trị lao động của phụ nữ và những đóng góp của họ phải được công nhận.

Phụ nữ Hà Nội đã đấu tranh để đòi được hưởng lương ngang bằng nam giới khi đảm nhiệm cùng công việc, phụ nữ phải được tuyển dụng vào các công sở làm việc theo đúng nghề được đào tạo như nam giới, được bảo hộ khi thai sản và ngày làm 8 tiếng. Trong phong trào Đông Dương Đại hội những năm 1936 - 1939, phụ nữ Hà Nội đã kết thành một đoàn thể riêng tham gia vào các cuộc mít tinh tuần hành chung của nhân dân thành phố với những yêu cầu riêng của mình.

Sự xuất hiện các cô “gái mới” trong thời kỳ này không chỉ là biểu hiện của ảnh hưởng văn hoá và lối sống phương Tây mà còn là sự thách thức những giá trị cũ, khẳng định nhu cầu được thể hiện giá trị cá nhân. Hình ảnh một cô gái tân thời ở Hà Nội được báo *Phụ nữ thời đàm* mô tả là “ăn mặc và trang sức theo kiểu mới. Quần trắng áo màu, giày cao gót... để răng trắng, rẽ đường ngôi lệch... nói chuyện với đàn ông bằng tiếng Pháp, thỉnh thoảng viết bài đăng nhật trình, trên danh thiếp có đề chữ nữ sỹ...” Tuy nhiên bài báo cũng nhấn mạnh: “gái tân thời phải có học thức mới, tư tưởng mới, giỏi ra nữa phải có cách sinh hoạt mới: như thế mới là “tân” (*Phụ nữ thời đàm* - 29/10/1933).

Ăn mặc đẹp, thời trang cũng là một cách thể hiện mình - một sự cách tân. Phụ nữ Hà Nội đã mạnh dạn lên tiếng bảo vệ nhu cầu làm đẹp chính đáng của mình trước những lời dị nghị: “Chúng em đuổi cái đuôi gà để rẽ lệch tóc, thay bộ răng ngà trắng muốt vào chỗ bộ răng đen ngòm, mượn cây son môi để làm việc của miếng trầu toe toét kia... chúng em ưa chiếc quần lụa bạch êm mát hơn cái quần sợi dày cộm cộp, trên đó người ta không phân biệt được những giống bản thù gì, nhưng các cụ bảo sạch vì nó đen...” (báo *Phong hóa*).

Bộ mặt phổ thường Hà Nội cũng có nhiều thay đổi với những cô gái hoặc duyên dáng trong chiếc áo dài tân thời nhiều màu sắc, sự kết hợp tuyệt vời giữa y phục truyền thống với phong cách thời trang Paris<sup>28</sup>, tôn vẻ mềm mại quyến rũ của người phụ nữ, hoặc khoẻ mạnh trong bộ quần áo trắng đạp xe đạp trên đường phố... Phụ nữ Hà Nội cũng không còn tuân theo đòi hỏi khắt khe của Nho giáo “nam nữ thụ thụ bất thân” mà đã dám sánh vai cùng bạn trai tới các rạp chiếu phim, rạp hát, các sân khiêu vũ, các sân tập thể thao...

Người phụ nữ Hà Nội mới cũng hăng hái tham gia tập thể thao. Họ viết báo, tuyên truyền, khích lệ phụ nữ chơi tennis, đi bơi, thậm chí đi bộ đường dài<sup>29</sup>... Phong trào tập thể thao của phụ nữ Hà Nội thời kỳ này một mặt là biểu hiện của ảnh hưởng văn hoá phương Tây, quan niệm về cái đẹp gắn với sự khoẻ mạnh, phù hợp với một xã hội công nghiệp hiện đại, mặt khác còn thể hiện nhu cầu hoà nhập cộng đồng, hoạt động tập thể, nhu cầu giao lưu và tinh thần vượt qua thử thách của phụ nữ.

Đổi mới về mặt tư tưởng đồng nghĩa với việc đấu tranh cho quyền tự do mưu cầu hạnh phúc, kết hôn vì tình yêu, chống lại tập tục “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”. Nhiều cô gái đã dùng cái chết của mình để gửi thông điệp đến cha mẹ và xã hội phản đối chế độ đại gia đình và hôn nhân theo sắp đặt vốn được duy trì từ lâu trong xã hội<sup>30</sup>. Các cô gái Hà Nội trong các cuốn tiểu thuyết của *Tự lực văn đoàn* như Mai (trong *Nửa chừng xuân* của Khái Hưng), như Loan (trong *Đoạn tuyệt* của Nhất Linh)... đã đấu tranh để bảo vệ danh dự và giá trị của bản thân cũng như đấu tranh cho hạnh phúc của mình.

Cùng với sự phát triển của đô thị và ảnh hưởng của phương Tây, một bộ môn nghệ thuật mới xuất hiện trong đời sống văn hoá người Hà Nội, đó là nghệ thuật kịch. Winn Wilcox trong *Phụ nữ, sự phương Tây hoá và các nguồn gốc của kịch nghệ Việt Nam hiện đại*<sup>31</sup> đã cho rằng: “Kịch nói hiện đại xuất hiện tại Việt Nam trong khung cảnh đảo lộn trí thức và xã hội của các thập niên 1920 - 1930. Các vở kịch trong thời kỳ này hướng tiêu điểm vào vị thế của phụ nữ, các hiệu ứng của sự Tây phương hoá và sự xuất hiện của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam”.

Cuộc thảo luận trên báo chí trước năm 1945 cho thấy kịch nói đã nhanh chóng được nhìn nhận như một phương tiện hiệu quả để giáo dục và hoàn thiện nhân cách, nâng cao dân trí và quan trọng hơn là có thể góp phần giải quyết vấn đề phụ nữ - đang là một vấn đề nóng bỏng thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Năm 1927, các cô gái được cho là con nhà gia giáo, có nề nếp của Hà Nội đã thành lập ban kịch *Nữ tài tử* và trình diễn vở *Trang tử cổ bốn*. Mục đích của vở kịch như được thể hiện trước hết là dùng luân lý để khuyên răn phụ nữ, sau là để lấy tiền ủng hộ đồng bào bị bão lụt. Bất chấp những ý kiến cho rằng phụ nữ con nhà gia giáo, phụ nữ có giáo dục không nên “vác bộ mặt hoa da phấn lên sân khấu múa may quay cuồng” (*Hà Thành Ngọ báo*), phụ nữ Hà Nội vẫn tham gia đóng kịch, coi đó như “bổn phận đối với bản thân mình và đối với xã hội” vì “người ta bất cứ trai hay gái đều có chức vụ tự đào luyện cho nhân cách thực hoàn toàn đủ phát triển được hết tài năng” (*Thời báo*, 29 - 30/1/1931)

Như vậy có thể thấy người phụ nữ mới của Hà Nội không chỉ thể hiện khát vọng tự do, khát vọng sống hạnh phúc trong hôn nhân với người mình yêu mà còn thể hiện khát vọng được khẳng định giá trị của bản thân, tự do phát triển tài năng. Việc những cô gái Hà Nội bước ra khỏi ngôi nhà của mình để tham gia các hoạt động xã hội với khát vọng được cống hiến, được khẳng định là bước chuẩn bị có ý nghĩa giúp họ bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập sau này.

### 2.3. Đấu tranh đòi quyền chính trị, đòi quyền bầu cử, ứng cử là cách khẳng định quyền làm chủ vận mệnh của mình một cách thiết thực nhất

Ý thức được vai trò của mình trong xã hội, phụ nữ Hà Nội nhận thức được rằng, để có thể làm chủ vận mệnh của mình, người phụ nữ phải có quyền bầu cử, quyền ứng cử và quyền tham chính, vì vậy họ sớm tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tiền đề để thực hiện các quyền của phụ nữ.

Trong cuộc vận động đòi tự do dân chủ thời kỳ 1916 - 1939, nhiều nữ trí thức đã tham gia viết bài tuyên truyền quan điểm của Đảng về công tác vận động phụ nữ, kêu gọi phụ nữ đấu tranh, thành lập các uỷ ban hành động, đưa ra những khẩu hiệu hướng dẫn và tập hợp phụ nữ đấu tranh vì quyền lợi của bản thân phụ nữ như: thực hiện quyền phụ nữ phổ thông đầu phiếu, tuyển dụng phụ nữ vào các công sở, làm việc ngang nhau, tiền lương ngang nhau, mở trường và các nhà dạy thể dục thể thao cho chị em phụ nữ...

Ngày 24/9/1936, tại Hà Nội, 40 phụ nữ đã họp ở trụ sở hội Trí Tri phố Hàng Quạt để bàn về việc thảo tập *Dân nguyện*. Chị Đoàn Thị Tâm Đan làm Chủ tịch và các chị Tâm Kính (tức Trần Thị Trác) và chị Đình Thị Phượng làm thư ký. Hội nghị đã bàn về những vấn đề: Mở trường phổ thông riêng cho phụ nữ, không hạn chế tuổi; Phụ nữ phải có quyền bầu cử, thành lập các tiểu ban để tập hợp nguyện vọng của phụ nữ cho sát với ngành nghề như các ban Lao động, Thương mại, Nông giới, Công giới, Hộ sinh, công chức các sở, giáo giới, báo giới... Trước việc có nhiều ý kiến không ủng hộ việc đòi quyền bầu cử cho phụ nữ, Song Nga đã phát biểu trên báo *Đông Pháp* nhấn mạnh: Phụ nữ cần phải có quyền bầu cử, vì đó chính là điều kiện để phụ nữ tham gia vào việc công ích, cũng như đó chính là lợi khí bên vực cho mình: "Bao giờ người đàn bà cũng có quyền tự ý kén chọn người thay mặt cho mình thì mới mong thực hành những nguyện vọng chính đáng cho mình được..." (*Đông Pháp*, 4/10/1936).

Sau cuộc họp, ngày 4/10, báo *Ngày nay* có bài viết mỉa mai cuộc họp của phụ nữ với các biếm hoạ, ngay lập tức, Tâm Kính (Trần Thị Trác) có bài trả lời trên báo *Tân xã hội*: "Báo *Ngày nay* thích khôi hài, đó là việc của báo ấy. Nhưng báo ấy lợi dụng sự thấp kém về trình độ của chị em chúng tôi để bày trò hề mua vui độc giả là việc chúng tôi hết sức phản đối" và chị cũng đã kêu gọi chị em "phải quả quyết đặt mình lên trên sự chế giễu vô ý thức ấy. Chúng ta hãy cứ sốt sắng, hăng hái làm việc của chúng ta..."

Cuộc họp của các uỷ ban phụ nữ để thảo tập *Dân nguyện* này được báo chí đánh giá là "Lần thứ nhất ở Đông Dương nữ giới ba Kỳ biết hiệp hội để làm chính trị" (*Đàn bà mới*, 26/10/1936).

Đỉnh cao của quyết tâm khẳng định quyền làm chủ vận mệnh của người "phụ nữ Hà Nội mới" được thể hiện trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Theo lời kể của bà Lê Thi<sup>32</sup>, người đã trực tiếp tham gia nhiều hoạt động trong thời kỳ tiền khởi nghĩa cũng như trong cuộc mít tinh tuần hành cướp chính quyền từ ngày 17 - 19/8 năm 1945, thì phụ nữ Hà Nội nhiệt tình hưởng ứng cuộc vận động của Đảng Cộng sản và tham gia vô cùng đông đảo. Trong cuộc mít tinh của Tổng hội Công chức của chính quyền Trần Trọng Kim, bà Nguyễn Khoa Diệu Hồng đã "cướp diễn đàn", giới thiệu về Mặt trận Việt Minh, về kế hoạch Tổng khởi nghĩa cướp chính quyền và thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.... Cuộc mít tinh đã nhanh chóng biến thành cuộc biểu tình tuần hành. Bà Lê Thi nhớ lại: "Phụ nữ chúng tôi rất đông. Thiếu nữ Hà Nội áo dài quần trắng. Chị em tiểu thương thì mặc quần đen áo cánh... Tôi không tả hết được cảm xúc vui sướng và hào



khí cách mạng của ngày ấy. Chỉ có thể nói là: Trước đó ở Hà Nội, chưa bao giờ phụ nữ đi bộ ngoài phố đông như thế, lại còn vừa đi vừa vẫy cờ, vung tay hô khẩu hiệu vang trời, mà chẳng thấy xấu hổ gì cả.” ...

Cuộc Tổng khởi nghĩa của nhân dân Hà Nội có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cuộc đấu tranh của nhân dân cả nước, vì đây chính là thủ phủ của chính quyền thực dân ở Đông Dương. Cùng với nhân dân Hà Nội, phụ nữ Hà Nội cũng tham gia vào việc chiếm giữ các cơ quan công quyền như Tòa Thị chính, Sở Liêm phóng, Phủ Khâm sai, nhà máy điện, nhà máy nước, Ngân hàng Đông Dương... góp phần làm nên thành công của Cách mạng dân tộc dân chủ của nhân dân Việt Nam, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam.

### 3. Kết luận

Trong nhiều thế kỷ, mặc dù có đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, phụ nữ Việt Nam nói chung và phụ nữ Hà Nội nói riêng, do ảnh hưởng của Nho giáo, chưa bao giờ được đánh giá đúng cũng như có tiếng nói trong cộng đồng và xã hội. Đầu thế kỷ XX, dưới tác động của các chương trình khai thác thuộc địa của Pháp, sự thay đổi trong xã hội Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX, ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản và phong trào nữ quyền thế giới đã làm thay đổi nhận thức của phụ nữ. Từ chỗ suốt đời bị coi là “vị thành niên”, là người phụ thuộc, chưa bao giờ được tham gia vào bộ máy chính quyền ở bất kỳ cấp nào, cũng như chưa bao giờ có tiếng nói trong các cuộc bàn thảo liên quan đến cuộc sống của mình, thì nay, phụ nữ Hà Nội đã bước một bước khá dài trong việc nhận thức vai trò và địa vị của họ trong xã hội và từng bước khẳng định mình, đấu tranh để thực hiện quyền tự do cá nhân, quyền được sống hạnh phúc và quyền tự quyết định vận mệnh của mình.

---

#### CHÚ THÍCH

- <sup>1</sup> *Luật Hồng Đức* thừa nhận và bảo vệ chế độ đa thê, trong mục *Hộ hôn*, điều 27 quy định đàn ông buộc phải bỏ vợ nếu người vợ phạm phải “điều nghĩa tuyệt (thất xuất: không con, dâm dăng, không chịu thờ bố mẹ chồng, lảm lỏi, trộm cắp, ghen tuông, có tật ghê gớm)”, (*Quốc triều hình luật*, 2004, NXB TP. Hồ Chí Minh, tr.127), *Hoàng Việt luật lệ*, 1994, NXB Văn hóa - Thông tin) vẫn áp dụng lệ “thất xuất” (điều 15, mục nam nữ hôn nhân, tập 3, tr.342), việc hôn nhân phải do cha mẹ, ông bà làm chủ hôn...
- <sup>2</sup> *Gia huấn ca*, tương truyền của Nguyễn Trãi trong phần dạy vợ con, nhấn mạnh phụ nữ phải hiền thực đảm đang, khéo thu vén gia đình.  
[http://webcache.googleusercontent.com/search?q=cache:32bH9HBv6\\_EJ:www.vanhoaphuongdong.com/forum/showthread.php%3Ft%3D3208+Gia+huấn+ca&cd=14&hl=vi&ct=clnk&gl=vn](http://webcache.googleusercontent.com/search?q=cache:32bH9HBv6_EJ:www.vanhoaphuongdong.com/forum/showthread.php%3Ft%3D3208+Gia+huấn+ca&cd=14&hl=vi&ct=clnk&gl=vn)
- <sup>3</sup> Vũ Thị Phụng (1995), “Phụ nữ Việt Nam qua một số hương ước và phong tục làng xã cổ truyền”, tạp chí *Khoa học về Phụ nữ*, số 1 (19), tr.6 - 9, 18).
- <sup>4</sup> Trần Từ trong *Cơ cấu tổ chức làng Việt ở đồng bằng Bắc Bộ*, NXB Khoa học Xã hội (1984) đã đề cập đến vị trí “hai mặt” của phụ nữ Việt Nam trong gia đình và xã hội, GS Trần Quốc Vương cho rằng có một “nguyên lý mẹ” trong văn hóa Việt Nam (tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 12/1996); GS Insun Yu chứng minh rằng xã hội Việt Nam là một xã hội lưỡng hệ, trong đó phụ nữ và nam giới có địa vị ngang nhau. (*Mô hình xã hội lưỡng hệ và địa vị phụ nữ Việt Nam truyền thống*, Việt Nam học - Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ nhất, NXB Thế giới, 2001), Đặng Thị Vân Chi, (2004) trong “Ảnh hưởng của văn hoá Đông - Tây đối với địa vị phụ nữ Việt Nam trong lịch sử” (tạp chí *Khoa học về phụ nữ*, số 3 (64) tr. 47 - 55) đã phân tích những điều kiện tự nhiên và xã hội của Việt Nam đã ảnh hưởng đến vai trò và địa vị của phụ nữ trong xã hội Việt Nam truyền thống. Đó là việc nam giới thường xuyên vắng nhà để đi lính bảo vệ tổ quốc, đắp đê làm thủy lợi,

- người phụ nữ trở thành người lao động chính nuôi gia đình. Những đóng góp của phụ nữ trong kinh tế gia đình và sản xuất xã hội đã làm người phụ nữ có địa vị được tôn trọng.
- <sup>5</sup> Những câu ca dao cổ phản ánh hoạt động của phụ nữ trong sản xuất hàng hoá và lưu thông: “Em là con gái Phụng Thiên,/ Bán rau mua bút mua nghiên cho chồng...”, “Cô em buồn chỉ bán tơ,/ Buồn ngọn sông Bờ, buồn cuối sông Thao”, “Em là con gái Kè Mỡ/ Em đi bán rượu tình cờ gặp anh...”.
  - <sup>6</sup> Jean Koffler, một giáo sỹ Tiệp Khắc đã viết trong *Cương yếu lịch sử xứ Đàng Trong*: “Người phụ nữ do mẹ dạy dỗ nên đã làm quen với công việc từ lúc bé. Họ rất khéo trong việc dệt vải bông và lụa. Họ nhuộm những thứ này thành nhiều màu khác nhau. Họ cũng khéo trong việc làm bánh trái và mút kẹo... Người phụ nữ lười biếng và ngu độn thường bị chê cười... Phụ nữ trồng thuốc lá, trồng bông. Phụ nữ buôn bán ở chợ hay ở cửa hiệu người ngoại quốc...”. John Barrow, hội viên Hội Hoàng gia Anh đến Đàng Trong thế kỷ XVIII cũng có nhận xét: “Người phụ nữ ở đây rất hoạt động, họ trông coi việc làm nhà, chỉ đạo lò gốm, chèo thuyền mang hàng ra chợ bán, dệt bông, kéo sợi, dệt vải, may vá quần áo... Phụ nữ đi buôn bán các loại hàng hoá khá đông...” (Dẫn lại của Trần Quốc Vương (1972) *Truyền thống phụ nữ Việt Nam*, NXB Phụ nữ, tr. 17, 18)
  - <sup>7</sup> Nguyễn Quang Ngọc (1993), *Về một số làng buôn ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ 18 - 19*, Hội Sử học Việt Nam.
  - <sup>8</sup> Nguyễn Thừa Hỷ (1993), *Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XVII - XVIII - XIX*, Hội Sử học Việt Nam.
  - <sup>9</sup> Ví dụ dân làng Đan Loan đã mang nghề nhuộm điều lên Thăng Long và lập ra phố Hàng Đào; dân làng Chấm (Hải Dương) mang nghề thuộc da ra phố Hàng Giầy; người Trâu Khê (Hải Dương), Đồng Sâm (Thái Bình)... có nghề đúc bạc và đổi bạc lập ra phố Hàng Bạc; người làng Đại Bái (Bắc Ninh) mang nghề đúc đồng ra khu vực Ngũ Xã (gần hồ Trúc Bạch)...
  - <sup>10</sup> Ví dụ như dân làng Quất Động mang nghề thêu ra phố Yên Thái và Hàng Thêu (Hàng Trống); thợ thủ công làng Hà Vĩ có nghề sơn thếp tới phố Hàng Hòm; người làng Nhị Khê mang nghề tiện gỗ ra phố Hàng Hành, Hàng Tiện; còn thợ thủ công làng Chuyên Mỹ có nghề khảm xà cừ lập ra phố Hàng Khay...
  - <sup>11</sup> Andre' Masson (2002), *Hà Nội giai đoạn 1873 - 1888*, NXB Hải Phòng, tr.108.
  - <sup>12</sup> William Dampier (2006), *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*, NXB Thế giới, tr.70.
  - <sup>13</sup> William Dampier, sđd, tr.80.
  - <sup>14</sup> Thăng Long đời Trần đã có phường Nhai Tuân tập trung các khách thương Chà Và (Java) và Hồi Hột (người theo đạo Hồi vùng Trung Á). Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, từ thế kỷ XV đã có phường Đường Nhân (người nước Đường, Trung Quốc) tập trung các Hoa kiều buôn bán. Thế kỷ thứ XVII - XVIII, người phương Tây như Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp gồm các thương nhân đi theo các tàu buôn và các giáo sỹ được Giáo hội cử sang truyền đạo cũng đã đến Thăng Long. Nửa sau thế kỷ XVII, ở Thăng Long - Kè Chợ đã có hai thương điếm Hà Lan và Anh được phép xây dựng và giao dịch. Một số nhà thờ Thiên Chúa giáo cũng đã được dựng ở Kè Chợ, với những xóm đạo đầu tiên ở ô Cầu Dền, ô Đồng Mác, Cầu Giấy và Hàng Bè (theo Nguyễn Quang Ngọc và Nguyễn Thừa Hỷ).
  - <sup>15</sup> Trong khoảng 20 năm cuối thế kỷ XIX, một loạt các công trình kiến trúc mới/ các công sở như Toà Thống sứ, Toà Thị chính, Kho bạc, Ngân hàng Đông Dương, khách sạn Métropol... và các toà nhà biệt thự của khu phố Pháp, nhà máy điện (1902), nhà máy nước Yên Phụ (1904), công ty tàu điện (1912), nhà máy xe lửa, xưởng sửa chữa ô tô... được xây dựng.
  - <sup>16</sup> Từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945, ở Hà Nội có 52 công ty vô danh lớn của tư bản nước ngoài, trong đó có 43 công ty của tư bản Pháp. Lĩnh vực đầu tư chủ yếu là: công nghiệp phục vụ lợi ích công cộng, công nghiệp nhẹ phục vụ sinh hoạt: nhà máy sợi, bông (1890), nhà máy rượu (1901), nhà máy diêm (1904), nhà máy bia (1909), nhà máy da (1912), nhà máy thuốc lá (1917)... công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: nhà máy gạch, ngói (1909), nhà máy in...
  - <sup>17</sup> Buổi diễn kịch đầu tiên được tổ chức vào ngày 16/3/1885. Buổi biểu diễn này được coi là “một sự cách tân sân khấu khi xây dựng một nhà hát kiểu Pháp ở Bắc Kỳ”. Pháp cũng cho thành lập Viện Hàn lâm Bắc Kỳ, các viện nghiên cứu... mở phòng đọc sách, hiệu sách ngay từ những năm cuối thế kỷ XIX (theo Andre' Masson trong *Hà Nội giai đoạn 1873 - 1888*, sđd). Năm 1901, Nhà hát lớn Hà Nội được xây dựng. Đây không chỉ là công trình mang đậm phong cách kiến trúc Pháp mà còn là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa mới.
  - <sup>18</sup> Trịnh Văn Thảo (1995), *L'ecole Francaise en Indochine, Paris, Kathala*, tr.92, 93.
  - <sup>19</sup> Báo *Đàn bà*, số xuân 1941, tr.4.
  - <sup>20</sup> *Đặng cổ tụng báo* cho biết: Ngoài trường Đông Kinh nghĩa thực, thời gian này ở Hà Nội còn có Ngọc Xuyên nghĩa thực và Mai Lâm nghĩa thực, là trường tư dạy chữ quốc ngữ và chữ Hán. Báo ngày 17/10/1907 cho biết, có 2 phụ nữ đại diện cho một nhóm khoảng 10 phụ nữ thông thạo tiếng Pháp, tiếng Hán và nữ công sẵn sàng đến giúp trường Đông Kinh nghĩa thực (tr.478).

- <sup>21</sup> Báo *Đàn bà*, số Xuân, 1941.
- <sup>22</sup> Trịnh Văn Thảo (1995), *L'ecole Francaise en Indochine*, Paris, Karthala, tr. 148 (Bản dịch).
- <sup>23</sup> Trịnh Văn Thảo, *L'ecole Francaise en Indochine*, sđd, tr. 149.
- <sup>24</sup> Ví dụ như bà Nguyễn Thị Đa (Chủ nhiệm báo *Phụ nữ thời đàm* (1930 - 1934), Nguyễn Thị Thanh Tú - Chủ nhiệm báo *Việt nữ* (1937), Nguyễn Thị Thảo - Chủ nhiệm báo *Phụ nữ* (1938), Lưu Thị Yên (Thụy An) - Chủ nhiệm báo *Đàn bà* (1939 - 1945), Trương Thị Nghĩa - Chủ nhiệm báo *Bạn gái* (1945)...
- <sup>25</sup> Trần Thị Trinh Chính, Liên Hương, Thu Vân... trên *Phụ nữ thời đàm*; Lan Hương, Lê Chi... trên báo *Phụ nữ*; Mộng Sơn, Ngọc Lan, Thạch Lan, Việt Thanh... trên báo *Việt nữ*; Phạm Ngọc Châu, Hằng Phương, Nguyễn Hảo Ca, bà Phan Quang Định, Thu Linh... trên báo *Đàn bà*...
- <sup>26</sup> Như: "Vấn đề bình đẳng với chị em ta" (*Phụ nữ thời đàm* - 8/12/1930), "Vấn đề nữ quyền: bình đẳng ở đâu, giải phóng cái gì?" (*Phụ nữ thời đàm* - 23/1/1931), "Xét về quyền lợi của phụ nữ về pháp luật" (*Phụ nữ thời đàm* - 4 - 5/1/1931), "Vấn đề giải phóng phụ nữ" (*Phụ nữ thời đàm* - 8/5/1931), "Địa vị người đàn bà Việt Nam ngày nay trong gia đình và ngoài xã hội phải thế nào" (*Việt nữ* - 5/5/1937)...
- <sup>27</sup> Lưu Cự Tài (2001), *Lịch sử tuyển chọn người đẹp*, NXB Trẻ, tr.135 – 136.
- <sup>28</sup> Nguồn gốc của chiếc áo dài tân thời, theo báo *Tân Á* là do một người Việt Nam tạo ra năm 1921, có ảnh hưởng của phong cách thời trang của nhà thiết kế thời trang nổi tiếng người Pháp Doenillet. Đến năm 1929, mẫu áo dài này được nhà thiết kế thời trang Chu Hương Mầu đưa về Hà Nội và được họa sỹ Cát Tường lăng xê gọi là kiểu áo dài Lemur. Đến năm 1933 - 1934 thì phụ nữ Hà Nội bắt đầu mặc nhiều và dần dần lan ra cả nước. (Phạm Thu (1997), *Phụ nữ Việt Nam với ý thức về cái đẹp và lịch sử chiếc áo dài dân tộc*, Kỷ yếu Hội nghị khoa học cán bộ nữ Đại học Quốc gia Hà Nội)
- <sup>29</sup> Năm 1929 - 1930, Hoàng Việt Nga, một nữ sinh Hà Nội đã tổ chức cuộc đi bộ từ Hà Nội xuống Hải Phòng. Tháng 4 năm 1937, một đoàn phụ nữ Hà Nội khác cũng tổ chức cuộc đi bộ thăm chùa Trầm. Các cuộc đi bộ này đều gây tiếng vang và được báo chí đưa tin nhiều.
- <sup>30</sup> Ở Hà Nội thời kỳ này có khá nhiều vụ tự tử của các cô thiếu nữ ở Hồ Tây, hồ Trúc Bạch mà báo chí đã gọi là "Nạn dịch tự tử". Nguyên nhân của các vụ tự tử này là do bị cưỡng ép kết hôn.
- <sup>31</sup> Winn Wilcox, "Women, Westernization and the Origins of Modern Vietnamese Theatre", *Journal of Southeast Asian Studies*, 37 (2), các trang 205 - 224, June 2006, The National University of Singapore: Singapore, 2006. (Bản dịch của Ngô Bắc trên trang mạng <http://www.gio-o.com/NgoBacWWilcoxKichNghe.htm>)
- <sup>32</sup> Bà Lê Thi (nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, con gái cố GS Dương Quảng Hàm) là người tham gia cả hai sự kiện lớn trong Cách mạng tháng Tám: cuộc mít tinh ngày 17/8 và ngày Tổng khởi nghĩa 19/8 ở Hà Nội. Bà cũng là một trong hai thiếu nữ được vinh dự kéo cờ trong lễ Độc lập 2/9/1945. Người kia là bà Đàm Thị Loan, phu nhân Đại tướng Hoàng Văn Thái. Theo bài trả lời phỏng vấn trên *Tuần Việt Nam*, 18/8/2006, "19/8 - cuộc khởi nghĩa của những người tay không" do Đoàn Trang thực hiện.